TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HS-ST
Ngày: 15 –8 – 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang.**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Ngọc Liên.**

- Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim P** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông **Bùi Hải Đạt** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 15 tháng 8 N 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 N 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 565/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 N 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn M (M), sinh N 1982 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: 323D Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ; Nghề nghiệp: N; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Minh T (sống) và bà Nguyễn Thị S (sống); anh chị, em ruột có 04 người, lớn nhất sinh N 1968, nhỏ nhất sinh N 1979; Vợ là Ngô Thị Mỹ Q, sinh N 1984; có 02 người con, lớn nhất sinh N 2006, nhỏ nhất sinh N 2009; Tiền án; không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/7/2017 đến ngày 17/10/2017 được cho bảo lãnh tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông **Nguyễn Thọ Đ**. Địa chỉ: 502 ấp B, xã B, C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông **Trần Văn Đ**. Địa chỉ: 656 đường H, phường M, quận S, thành phố Hồ Chí

Minh (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn T C**. Địa chỉ: 43/8 L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt).

+ Ông **Đỗ Đức H**. Địa chỉ: 70/6A L, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

+ Ông **Trần Văn Bé N**. Địa chỉ: khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

+ Ông **Phan Vĩnh T**. Địa chỉ: 387P khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

+ Ông **Phạm Kim T**. Địa chỉ: 205/8 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Ninh T**. Địa chỉ: 323/1 T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Ông **Phan Hoàng V**. Địa chỉ: 5/5A Khóm Đ, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Bà **Phan Thị Hoàng O**. Địa chỉ: 5/5A Khóm Đ, đường H, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Văn B**. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

+ Bà **Quách Kim P**. Địa chỉ: 656 đường H, phường M, quận S, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà **Ngô Thị Mỹ Q**. Địa chỉ: 323D Khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/5/2011, Bùi Văn M được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Đội trưởng đội T tra giao thông số 1 (Đội cơ động đường bộ) được quyền T tra giao thông trên toàn địa bàn thành phố Cần Thơ, đến ngày 22/6/2012 được bổ nhiệm làm Đội trưởng đội T tra giao thông số 1, ngày 29/11/2013 được phân công công tác làm Đội trưởng đội 3, phụ trách địa bàn quận Ninh Kiều, quận B Thủy, đến ngày 09/6/2014 được phân công công tác làm Đội trưởng đội 4, phụ trách địa bàn quận Cái Răng, đến ngày 01/6/2015 được bổ nhiệm làm Phó chánh T tra - Sở giao thông vận tải thành phố Cần Thơ, đến tháng 9/2016 được điều động luân cHển công tác về làm cán bộ văn phòng Sở giao thông vận tải thành phố Cần Thơ, đến tháng 5/2017 được luân chuyển về công tác tại Ban điều hành vận tải thuộc Sở giao thông vận tải thành phố Cần Thơ. Quá trình điều tra vụ án Nhận hối lộ và Đưa hối lộ

liên quan đến nhiều cán bộ, lãnh đạo T tra giao thông các quận, Hện, thành phố Cần Thơ đã được đưa ra xét xử ngày 17/7/2017 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố Cần Thơ còn nhận được nhiều đơn thư tố giác của các cá nhân, dO nghiệp có kinh dO vận tải tố giác hành vi nhận hối lộ của Bùi Văn M. Qua quá trình điều tra xác định từ N 2012 đến N 2016 trong thời gian làm Đội trưởng đội T tra giao thông số 1, Đội trưởng đội 3, Đội trưởng đội 4 và Phó chánh T tra giao thông, Bùi Văn M đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận hối lộ của 04 dO nghiệp và 02 cá nhân với tổng số tiền là 398.967.000 đồng để không xử phạt các lỗi xe vi phạm, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Từ N 2012 Bùi Văn M giữ chức vụ Phó đội trưởng đội T tra giao thông số 1, Minh cùng các cán bộ trong đội nhiều lần kiểm tra, lập biên bản xử phạt xe của ông Nguyễn Thọ Đ có gắn logo Lộc Phát 3 với lỗi chở quá tải trọng, có lần xe của ông Đ bị Minh kiểm tra, ông Đ liên hệ người quen xin số điện thoại của Minh điện thoại cho Minh xin bỏ qua lỗi vi phạm, Minh nói đã lập biên bản rồi không giải quyết được, Minh sửa lại biên bản lỗi nhẹ hơn, khi Minh lên làm Đội trưởng đội T tra giao thông số 1 thì ông Đ có xuống Cần Thơ làm quen với Minh và xin nhờ giúp đỡ không kiểm tra, lập biên bản xe vi phạm có gắn logo Lộc Phát 3 của ông Đ, ông Đ sẽ chi tiền cho Minh thì Minh đồng ý, khoảng 01 tháng sau ông Đ xin số tài khoản của Minh để gửi tiền cho Minh, Minh cho số tài khoản của Minh số 0111000931183 mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Cần Thơ cho ông Đ, ông Đ cHển cho Minh lần đầu với số tiền 5.000.000 đồng, sau khi nhận tiền thì Minh và cấp dưới của Minh không kiểm tra xe vi phạm của ông Đ nữa, đến thời điểm Minh làm Đội trưởng đội 3, đội trưởng đội 4 và Phó Chánh T tra giao thông thì Minh tiếp tục nhận tiền của ông Đ và không kiểm tra xe vi phạm, tổng cộng Minh đã nhận tiền của ông Đ 27 lần với số tiền là 345.967.000 đồng bằng hình thức cHển tiền qua tài khoản.

Vụ thứ 2: Vào N 2013 lúc Bùi Văn M làm Đội trưởng đội 3, Minh và cấp dưới của Minh có kiểm tra, lập biên bản vi phạm xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ vận tải Khánh Phong do ông Trần Văn Đ làm Giám đốc với lỗi quá tải trọng, sau đó thông qua Hồ Công Thiện chức vụ Phó đội trưởng đội 4 (T tra giao thông quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ) giới thiệu ông Đ cho Minh làm quen, ông Đ nhờ Minh giúp đỡ không kiểm tra xe có gắn logo Khánh Phong, ông Đ chi tiền cho Minh thì Minh đồng ý, đến tháng 6/2014 khi làm Đội trưởng đội 4 thì ông Đ có xin số tài khoản của Minh để cHển tiền, Minh cho số 0111000931183 mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh Cần Thơ cho ông Đ, ông Đ cHển cho Minh số tiền 5.000.000 đồng, sau đó Minh chủ động liên hệ ông Đ để yêu cầu chi tiền cho Minh. Tổng cộng ông Đ cHển tiền cho Minh 05 lần tổng cộng số tiền là 25.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào N 2013 Bùi Văn M khi làm đội trưởng đội 3, xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Minh Đức do ông Nguyễn T C làm Giám đốc xe nhiều lần vi phạm với lỗi vỏ mòn, đậu đổ xe không đúng quy định nên bị Minh kiểm tra, lập biên bản xử phạt, sau đó Minh chủ động liên hệ với ông C yêu cầu ông C chi tiền cho Minh thì Minh sẽ không kiểm tra xe vi phạm, ông C đồng ý và đã đưa tiền cho Minh 07 lần, tổng cộng số tiền là 8.000.000 đồng.

Vụ thứ 4: Vào N 2013 Bùi Văn M khi làm đội trưởng đội 3, xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân Hùng do ông Đỗ Đức H làm Giám đốc vi phạm với lỗi đậu đổ không đúng quy định nên bị Minh kiểm tra, lập biên bản xử phạt, ông H đến gặp Minh để xin bỏ qua lỗi vi phạm nhưng đã lập biên bản, ông H chủ động mời Minh uống cà phê và xin Minh không kiểm tra xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn Ngân Hùng khi vi phạm, ông H sẽ chi tiền cho Minh thì Minh đồng ý, trong khoảng thời gian làm Đội trưởng đội 3 và Đội trưởng đội 4, ông H đã đưa tiền cho Minh 09 lần, tổng cộng với số tiền là 10.000.000 đồng.

Vụ thứ 5: Vào N 2013 Bùi Văn M khi làm Đội trưởng đội 3, xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên DC do ông Trần Văn Bé N làm Giám đốc vi phạm với lỗi đậu đổ không đúng quy định nên bị Minh kiểm tra, lập biên bản xử phạt, sau đó ông Bé N liên hệ người quen xin số điện thoại của Minh, điện thoại cho Minh rủ uống cà phê để làm quen và xin Minh không kiểm tra xe của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên DC khi vi phạm, ông Bé N sẽ chi tiền cho Minh thì Minh đồng ý, trong khoảng thời gian làm Đội trưởng đội 3, ông Bé N đã đưa tiền cho Minh 08 lần, tổng cộng với số tiền là 7.000.000 đồng.

Vụ thứ 6: Vào N 2013 Bùi Văn M khi làm Đội trưởng đội 3, xe của ông Phan Vĩnh T biển số 65L-0231 vi phạm lỗi chở quá tải bị Minh kiểm tra, lập biên bản xử phạt, sau đó ông T đến gặp Minh xin không kiểm tra xe của ông T khi vi phạm, ông T sẽ chi tiền cho Minh thì Minh đồng ý, trong khoảng thời gian làm đội trưởng đội 3, ông T đã đưa tiền cho Minh tổng cộng 02 lần, tổng cộng với số tiền là 3.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Bùi Văn M khi tiến hành lệnh khám xét, các chứng từ nộp tiền vào tài khoản số 0111000931183 của Bùi Văn M.

Đối với số tiền Bùi Văn M nhận hối lộ là 398.967.000 đồng, Minh khai đã sử dụng số tiền trên vào việc điều trị bệnh và trả nợ do kinh dO bị thua lỗ. Bùi Văn M đã nộp số tiền 398.967.000 đồng là tiền hưởng lợi từ việc nhận hối lộ từ các cá nhân, dO nghiệp.

Đối với những hành vi đưa hối lộ cho Bùi Văn M, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án và ra Quyết định tách vụ án để tiến hành xử lý sau.

Cáo trạng số 153/CT-VKS-NK ngày 16-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo Bùi Văm Minh về tội "Nhận hối lố" theo điểm c, đ Khoản 2 Điều 354 của Bộ luật hình sự N 2015.

Tại phiên tòa:

1. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tranh luận: Qua xem xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nội dung Cáo trạng đã truy tố, điều đó thể hiện việc Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Do đó Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Văn M theo tội danh và điều luật đã nêu trong Cáo trạng. Tuy nhiên, cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, có nhiều bằng khen; về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình có công với cách mạng và bản thân bị cáo đang bị bệnh nên hoàn cảnh đang khó khăn. Từ những nhận định về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự N 2015; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự N 2015 xử phạt bị cáo mức án từ 07 đến 08 N tù;

Về tang vật của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự N 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015 để xử lý tang vật như sau:

- Điện thoại di động Nokia là công cụ bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước.

- Các chứng từ nộp tiền vào tài khoản của bị cáo có liên quan trực tiếp đến vụ án nên cần tịch thu lưu hồ sơ.

- Tiền Việt Nam 398.967.000 đồng do bà Ngô Thị Mỹ Q - là vợ của bị cáo nộp thay cho bị cáo và tại phiên tòa bà Quyên xác định không có yêu cầu bị cáo trả lại nên cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

2. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo sớm về với gia đình để có điều kiện hòa nhập cộng đồng và nuôi cha mẹ già cũng như có điều kiện điều trị bệnh.

3. Người liên quan: Bà Ngô Thị Mỹ Q không có tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, cũng như ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tội danh*: Căn cứ vào các chứng cứ là các bảng sao kê tài khoản của bị cáo Minh đã thu giữ thể hiện các nhà xe Lộc Phát 3, Khánh Phong, Công ty TNHH TM DV Minh Đức, Công ty TNHH Ngân Hùng, Công ty TNHH MTV DC và ông Phan Vĩnh T đã nhiều lần cHển tiền vào tài khoản cá nhân cũng như trực tiếp đưa tiền cho bị cáo với tổng số tiền là là 398.967.000 đồng đã có đủ yếu tố cấu thành tội "nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 279 Bộ luật hình sự N 1999. Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại Điều 354 Bộ luật hình sự N 2015 và Công văn số 276/TANDTC - PC ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, thấy rằng - về định lượng, giá trị, tiền nhận hối lộ là có lợi cho bị cáo hơn là quy định tại Điều 279 Bộ luật hình sự N 1999 nên áp dụng Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội khóa XIII và Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự N 2015 để xét xử bị cáo về tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự N 2015 là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Hội đồng xét xử hoàn toàn thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ đã nêu như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác, có nhiều bằng khen; về nhân thân: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, gia đình có công với cách mạng và bản thân bị cáo đang bị bệnh nên hoàn cảnh đang khó khăn thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, v Khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự N 2015 (sửa đổi, bổ sung N 2017) các tình tiết giảm nhẹ này là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt dành cho bị cáo trong quá trình lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] *Về tính chất, mức độ ảnh hưởng của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước - cụ thể là của T tra giao thông, của chế độ công vụ cũng như vi phạm về đạo đức người cán bộ công chức nhà nước và làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của công chức ngành T tra, gây ra sự phẫn nộ trong dư luận xã hội. Bản thân bị cáo là công dân Việt Nam, là một cán bộ công chức, là một đảng viên lẽ ra phải nghiêm minh, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nhưng vì bị cám dỗ, hám lợi nên bị cáo không biết sống đặt mình vào khuôn khổ của pháp luật nên có hành vi vi phạm pháp luật, thiết nghĩ cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục, răn đe đồng thời phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo trên cơ sở xem xét các căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là phù hợp, thỏa đáng với toàn bộ diễn biến hành vi mà bị cáo thực hiện.

Tuy nhiên, trong quá trình nghị án Hội đồng xét xử có xem xét quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự N 2015 là "*Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng*", do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, mức hình phạt dành cho bị cáo sẽ thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều nhằm thể hiện được chính sách khoan hồng của pháp luật Việt Nam.

[4] *Về tang vật, vật chứng*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự N 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự N 2015 để xử lý theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy các tang vật có liên quan trực tiếp đến vụ án, cụ thể:

- Điện thoại di động Nokia là công cụ bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công bán đấu giá nộp vào ngân sách nhà nước.

- Các chứng từ nộp tiền vào tài khoản của bị cáo có liên quan trực tiếp đến vụ án nên cần tịch thu lưu hồ sơ (đã được lưu vào hồ sơ vụ án).

- Tiền Việt Nam 398.967.000 đồng do bà Ngô Thị Mỹ Q - là vợ của bị cáo nộp thay cho bị cáo và tại phiên tòa bà Quyên xác định không có yêu cầu bị cáo trả lại nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, đối với tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại khoản 5 Điều 354 BLHS N 2015 (sửa đổi, bổ sung N 2017) cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với người phạm tội. Tuy nhiên, do hoàn cảnh bị cáo hiện tại không có việc làm, đang bị bệnh (viêm gan B) nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] *Về án phí:* bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c, đ Khoản 2 Điều 354 của Bộ luật hình sự N 2015 tuyên bố bị cáo **Bùi Văn M (M)** phạm tội "Nhận hối lộ". Áp dụng: điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự N 2015; xử phạt bị cáo: **Bùi Văn M 06 (sáu) N tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án (có khấu trừ 83 ngày (bút lục 843) thời hạn tạm giữ, tạm giam cho bị cáo từ ngày 27/7/2017 đến 17/10/2017).

Về tang vật: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự N 2015 và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu bán đấu giá nộp vào Ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia.

- Tịch thu lưu hồ sơ các chứng từ nộp tiền vào tài khoản 0111000931183 của bị cáo Bùi Văn M (đã lưu hồ sơ vụ án từ bút lục 761 đến bút lục 840).

- Nộp vào Ngân sách Nhà nước: Tiền Việt Nam 348.967.000 đồng theo biên lai thu số 007519 ngày 08/5/2018 (bút lục 855) và 50.000.000 đồng theo Quyết định cHển vật chứng số 01/QĐ – VKS – P3 ngày 02/7/2018.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án

được giao hoặc được niêm yết) để được xem xét theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSNDQNK;
- VKSNDTPCT;
- Công an QNK;
- Chi cục THADSQNK.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG